

THÔNG TƯ**Quy định phong quân hàm học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan tại ngũ; thăng quân hàm sĩ quan cấp tá, cấp úy vượt bậc, trước thời hạn và nâng lương sĩ quan trước thời hạn**

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định phong quân hàm học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan tại ngũ; tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân hàm sĩ quan cấp tá, cấp úy vượt bậc, trước thời hạn và nâng lương sĩ quan trước thời hạn.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về phong quân hàm học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan tại ngũ tại khoản 1 Điều 16 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Luật số 19/2008/QH12; tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân hàm sĩ quan cấp tá, cấp úy vượt bậc và trước thời hạn; nâng lương sĩ quan cấp Trung tướng, Thiếu tướng, cấp tá, cấp úy trước thời hạn tại khoản 4 Điều 17 và khoản 3 Điều 18 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 52/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan khi thực hiện phong quân hàm học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan tại ngũ; thăng quân hàm sĩ quan cấp tá, cấp úy vượt bậc và trước thời hạn; nâng lương sĩ quan cấp Trung tướng, Thiếu tướng, cấp tá, cấp úy trước thời hạn.

Chương II

PHONG QUÂN HÀM HỌC VIÊN TỐT NGHIỆP ĐÀO TẠO SĨ QUAN TẠI NGŨ

Điều 3. Tiêu chí xét phong quân hàm Trung úy, Thượng úy, Đại úy đối với học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan tại ngũ

1. Hạ sĩ quan, binh sĩ tốt nghiệp đào tạo phi công, tàu ngầm, rèn luyện tốt được xét phong quân hàm Trung úy.

2. Hạ sĩ quan, binh sĩ đào tạo trình độ đại học, xếp hạng tốt nghiệp khá trở lên, rèn luyện tốt được xét phong quân hàm Trung úy, cụ thể:

a) Đào tạo trường nước ngoài;

b) Đào tạo bác sĩ tại Học viện Quân y là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: Tỷ lệ phong quân hàm Trung úy không quá 90%;

c) Đào tạo được sĩ, kỹ sư tại các trường trong quân đội, trường ngoài quân đội là đảng viên chính thức Đảng Cộng sản Việt Nam; đào tạo đại học văn bằng thứ 2 trong các trường quân đội từ hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: Tỷ lệ phong quân hàm Trung úy không quá 70%;

d) Đào tạo chương trình 5 năm (không thuộc đối tượng đào tạo kỹ sư) là đảng viên chính thức Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khóa học được khen thưởng 02 lần danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến trở lên hoặc đạt giải chính thức tại các kỳ thi quốc gia, quốc tế; học viên là người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc rất ít người và học viên được cử tuyển theo quy định của Chính phủ là đảng viên chính thức Đảng Cộng sản Việt Nam: Tỷ lệ phong quân hàm Trung úy không quá 55%;

đ) Đào tạo chương trình 4 năm là đảng viên chính thức Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khóa học được khen thưởng 02 lần danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến trở lên hoặc đạt giải chính thức tại các kỳ thi quốc gia, quốc tế; học viên là người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc rất ít người và học viên được cử tuyển theo quy định của Chính phủ, học viên đào tạo trường ngoài quân đội, đào tạo các trường thuộc Bộ Công an là đảng viên chính thức Đảng Cộng sản Việt Nam: Tỷ lệ phong quân hàm Trung úy không quá 45%.

3. Hạ sĩ quan, binh sĩ tốt nghiệp đào tạo trình độ đại học được xét phong quân hàm Thượng úy, Đại úy, cụ thể:

a) Đào tạo bác sĩ tại Học viện Quân y xếp hạng tốt nghiệp giỏi trở lên, trong khóa học được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quân trở lên; đào tạo trình độ đại học tại các trường còn lại xếp hạng tốt nghiệp xuất sắc, trong khóa học được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quân trở lên là đảng viên chính thức Đảng Cộng sản Việt Nam được xét phong quân hàm Thượng úy.

b) Đào tạo phi công, tàu ngầm

Đào tạo ở trong nước xếp hạng tốt nghiệp khá, rèn luyện tốt, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam được xét phong quân hàm Thượng úy; xếp hạng tốt nghiệp giỏi trở lên, rèn luyện tốt, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam được xét phong quân hàm Đại úy.

Đào tạo ở nước ngoài xếp hạng tốt nghiệp khá trở lên, rèn luyện tốt được xét phong quân hàm Đại úy.

4. Hạ sĩ quan, binh sĩ tốt nghiệp đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc tương đương ở nước ngoài, rèn luyện tốt được xét phong quân hàm Thượng úy.

Điều 4. Tiêu chí xét phong quân hàm đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng đào tạo trình độ đại học

1. Học viên tốt nghiệp được phong quân hàm Thiếu úy hoặc cao hơn tương ứng với mức lương hiện hưởng.

2. Học viên xếp hạng tốt nghiệp giỏi trở lên được xét nâng lương trước thời hạn 1 năm để xét phong quân hàm sĩ quan.

3. Cách chuyển xếp lương và phong quân hàm sĩ quan

a) Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng đến thời hạn nâng lương thì được xét nâng lương theo quy định.

b) Chuyển xếp lương sang quân nhân chuyên nghiệp cao cấp theo quy định của Bộ Quốc phòng để làm căn cứ xét phong quân hàm sĩ quan, bảo đảm mức chênh lệch không quá một bậc lương liền kề.

c) Trường hợp phong quân hàm sĩ quan thấp hơn quân hàm quân nhân chuyên nghiệp hiện tại thì chưa xét phong quân hàm sĩ quan, thực hiện cấp số hiệu cán bộ và chuyển xếp lương sang quân nhân chuyên nghiệp cao cấp theo bậc đào tạo, bảo lưu thời hạn nâng lương để xét phong quân hàm sĩ quan vào các năm tiếp theo (trường hợp cá nhân có nguyện vọng).

Chương III

THĂNG QUÂN HÀM VƯỢT BẬC, THĂNG QUÂN HÀM, NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN

Điều 5. Tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm vượt bậc

1. Sĩ quan có cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn cấp bậc quân hàm cao nhất của chức vụ, chức danh sĩ quan đang đảm nhiệm từ 02 (hai) bậc trở lên, lập thành tích đặc biệt xuất sắc được xem xét thăng quân hàm vượt bậc khi được tặng thưởng một trong các hình thức khen thưởng (không tính các hình thức khen thưởng theo niên hạn hoặc quá trình cống hiến), sau đây:

a) Các hình thức huân chương: Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huân chương Quân công hạng Nhất; Huân chương Lao động hạng Nhất; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất; Huân chương Chiến công hạng Nhất.

b) Danh hiệu vinh dự nhà nước: Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Danh hiệu Anh hùng Lao động.

c) Giải thưởng Hồ Chí Minh.

2. Trong thời hạn giữ một chức vụ chỉ được được xét thăng quân hàm vượt bậc một lần, vượt một bậc quân hàm; thời điểm xem xét sau khi sĩ quan có quyết định khen thưởng.

3. Trường hợp đặc biệt chưa quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 6. Tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm trước thời hạn

1. Sĩ quan được xem xét thăng quân hàm trước thời hạn, khi:

a) Có đủ tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân hàm vượt bậc, nhưng cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn trần quân hàm cao nhất của chức vụ, chức danh đang đảm nhiệm một bậc (được tặng thưởng một trong các hình thức khen thưởng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này); được xem xét thăng quân hàm trước thời hạn sau khi sĩ quan có quyết định khen thưởng.

b) Có cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn trần quân hàm cao nhất của chức vụ, chức danh đang đảm nhiệm một bậc trở lên mà được tặng thưởng một trong các hình thức khen thưởng sau được xem xét thăng quân hàm trước thời hạn không quá 24 tháng: Huân chương Độc lập hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Quân công hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Chiến công hạng Nhì, hạng Ba (không tính các hình thức khen thưởng theo niên hạn hoặc quá trình cống hiến); Huân chương Dũng cảm.

c) Có cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn trần quân hàm cao nhất của chức vụ, chức danh đang đảm nhiệm, mà các năm trong niên hạn giữ cấp bậc quân hàm hiện tại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, thuộc một trong các trường hợp được xem xét thăng quân hàm trước thời hạn không quá 12 tháng:

Được công nhận chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư; Tiến sĩ làm việc đúng chuyên môn (chỉ xét thăng quân hàm trước thời hạn một lần).

Được tặng thưởng một trong các thành tích khen thưởng sau: Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Chiến sĩ thi đua toàn quân; giải nhất, giải nhì, giải ba hoặc huy chương vàng, bạc, đồng trong hội thi, hội thao toàn quốc; giải nhất trong hội thi, hội thao cấp bộ, ngành Trung ương; Huy chương hoặc giải nhất, giải nhì, giải ba trong Hội thao quân sự quốc tế; sĩ quan tham gia gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc được cấp có thẩm quyền khen thưởng hình thức từ giấy khen trở lên; chủ nhiệm đề tài, sáng kiến đạt giải nhất, giải nhì, giải ba giải thưởng “Tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội”; Chủ nhiệm công trình đạt giải nhất, giải nhì, giải ba Giải thưởng Lao động sáng tạo trong Công đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam; Giải thưởng Phụ nữ Quân đội; điển hình tiên tiến toàn quân trong thực hiện cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”; Gương mặt trẻ tiêu biểu toàn quốc; Gương mặt trẻ tiêu biểu toàn quân.

2. Ngoài các trường hợp đã được quy định tại khoản 1 Điều này, sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy, quản lý nếu thuộc một trong các trường hợp sau được xem xét thăng quân hàm trước thời hạn không quá 12 tháng:

a) Sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy ở đơn vị làm nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu; đơn vị điệp báo chiến dịch; cơ quan, đơn vị điệp báo chiến lược; kho vũ khí - đạn, kho xe - máy, kho khí tài đặc chủng, kho xăng dầu chiến lược dự trữ sẵn sàng chiến đấu và dự trữ quốc gia cho quốc phòng; đơn vị sửa chữa, bảo dưỡng vũ khí, khí tài chiến đấu; trưởng ngành, phó trưởng ngành trên tàu, sĩ quan thuộc kíp chiến đấu ra đa, tên lửa, pháo phòng không, tàu ngầm; sĩ quan trực tiếp tham gia nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ trong các lĩnh vực thuộc công nghệ chiến lược, công nghệ nền, công nghệ lõi và nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, các năm trong niên hạn giữ cấp bậc quân hàm hiện tại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên mà:

Cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn trần quân hàm cao nhất của chức vụ đang đảm nhiệm 02 (hai) bậc trở lên. Trong thời gian giữ một chức vụ nếu đã được thăng quân hàm trước thời hạn thì trong niên hạn tiếp theo có 01 (một) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở.

Cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn trần quân hàm cao nhất của chức vụ đang đảm nhiệm 01 (một) bậc, trong niên hạn có ít nhất 01 (một) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở.

b) Sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy cơ quan thuộc đơn vị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này các năm trong niên hạn giữ cấp bậc quân hàm hiện tại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên mà: Cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn trần quân hàm cao nhất của chức vụ đang đảm nhiệm 03 (ba) bậc trở lên; thấp hơn 02 (hai) bậc, trong niên hạn có ít nhất 01 (một) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; thấp hơn 01 (một) bậc, trong niên hạn có ít nhất 02 (hai) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở (cấp Thiếu úy lên Trung úy có 01 (một) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở).

c) Sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy ở các cơ quan, đơn vị không thuộc đơn vị quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này các năm trong niên hạn giữ cấp bậc quân hàm hiện tại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên mà: Cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn trần quân hàm cao nhất của chức vụ đang đảm nhiệm 04 (bốn) bậc trở lên; thấp hơn 03 (ba) bậc, trong niên hạn có ít nhất 01 (một) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; thấp hơn 02 (hai) bậc, trong niên hạn có ít nhất 02 (hai) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; thấp hơn 01 (một) bậc: Thăng quân hàm sĩ quan cấp tá có 03 (ba) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, thăng quân hàm sĩ quan cấp Đại úy, Thượng úy có 02 (hai) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, thăng quân hàm sĩ quan cấp Thiếu úy lên Trung úy có 01 (một) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở.

3. Ngoài các trường hợp đã được quy định tại khoản 1 Điều này, sĩ quan không giữ chức vụ chỉ huy, quản lý mà các năm trong niên hạn giữ cấp bậc quân hàm hiện tại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên nếu thuộc một trong các trường hợp sau được xem xét thăng quân hàm trước thời hạn không quá 12 tháng: Cấp bậc quân hàm hiện tại thấp hơn trần quân hàm cao nhất của chức vụ đang đảm nhiệm 04 bậc trở lên; thấp hơn 03 (ba) bậc trong niên hạn có ít nhất 01 (một) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; thấp hơn 02 (hai) bậc trong niên hạn có ít nhất 02 (hai) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; thấp hơn 01 (một) bậc: Thăng quân hàm sĩ quan cấp tá có 03 (ba) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, thăng quân hàm sĩ quan cấp Đại úy, Thượng úy có 02 (hai) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, thăng quân hàm sĩ quan cấp Thiếu úy lên Trung úy có 01 (một) năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở.

4. Trường hợp trong niên hạn cán bộ đạt nhiều thành tích thì chỉ áp dụng một thành tích để xét thăng quân hàm trước thời hạn (các thành tích còn lại không được bảo lưu); nếu chưa được áp dụng để xét thì được bảo lưu để xem xét thăng quân hàm trước thời hạn của bậc quân hàm tiếp theo.

5. Trường hợp đặc biệt chưa quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này do cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Điều 7. Tiêu chí, tiêu chuẩn để xét nâng lương trước thời hạn

1. Sĩ quan đã có cấp bậc quân hàm cao nhất của chức vụ, chức danh đang đảm nhiệm được xem xét nâng lương trước thời hạn khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Sĩ quan cấp tướng:

Được tặng thưởng một trong các hình thức khen thưởng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, được xem xét nâng lương trước thời hạn sau khi sĩ quan có quyết định khen thưởng.

Được tặng thưởng một trong các hình thức khen thưởng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư này, được xem xét nâng lương trước thời hạn không quá 24 tháng.

b) Sĩ quan cấp tá, cấp úy:

Được tặng thưởng một trong các hình thức khen thưởng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, được xem xét nâng lương trước thời hạn sau khi sĩ quan có quyết định khen thưởng.

Được tặng thưởng một trong các hình thức khen thưởng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư này, được xem xét nâng lương trước thời hạn không quá 24 tháng.

Có đủ tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm trước thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2, khoản 3 Điều 6 Thông tư này, được xem xét nâng lương trước thời hạn không quá 12 tháng.

2. Trường hợp trong niên hạn cán bộ đạt nhiều thành tích thì chỉ áp dụng một thành tích để xét nâng lương trước thời hạn (các thành tích còn lại không được bảo lưu); nếu chưa được xét thì bảo lưu một trong các thành tích đã đạt được để xem xét nâng lương trước thời hạn của lần nâng lương tiếp theo.

3. Trường hợp đặc biệt chưa quy định tại khoản 1 Điều này do cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày **22** tháng 3 năm 2025.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Tham mưu trưởng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. *leu*

Nơi nhận:

- Thủ trưởng BQP;
- BTTM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- C85, C56, C11, C17, C79; C41;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, C85. H85.



Đại tướng Phan Văn Giang